

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *07* /2013/TT-BNV

Hà Nội, ngày *31* tháng *7* năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội có tính chất đặc thù

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Sau khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội có tính chất đặc thù.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý và viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cấp có thẩm quyền quyết định đến làm việc tại các hội, tổ chức phi Chính phủ, dự án và cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

4. Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị

trần và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.

5. Giáo viên mầm non hưởng lương theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo quy định tại Quyết định số 58/TTg ngày 03 tháng 02 năm 1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04 tháng 3 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

8. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

9. Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

a) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội có tính chất đặc thù;

b) Người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội có tính chất đặc thù;

c) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;

d) Các đối tượng làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội có tính chất đặc thù được ký kết hợp đồng lao động theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Thông tư này là các tổ chức quy định tại Điều 1 Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

2. Hội có tính chất đặc thù quy định tại Thông tư này là các hội quy định tại Điều 33 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và hội quy định tại Thông tư này sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 1 Thông tư này:

Căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004, Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006, Nghị quyết số 794/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 6 năm 2009, Nghị quyết số 823/2009/UBTVQH12 ngày 03 tháng 10 năm 2009, Nghị quyết số 888NQ/2010/UBTVQH12 ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 và Quyết định số 275-QĐ/TW ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004, Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 66/2013/NĐ-CP) để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

a) Công thức tính mức lương:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01 tháng 7} \\ \text{năm 2013} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 1.150.000 \text{ đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{lương} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

b) Công thức tính mức phụ cấp:

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01 tháng 7} \\ \text{năm 2013} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 1.150.000 \text{ đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01} \\ \text{tháng 7} \\ \text{năm 2013} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01} \\ \text{tháng 7} \\ \text{năm 2013} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{chức vụ} \\ \text{lãnh đạo} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01} \\ \text{tháng 7} \\ \text{năm 2013} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thâm niên} \\ \text{vượt khung} \\ \text{thực hiện từ} \\ \text{ngày 01} \\ \text{tháng 07} \\ \text{năm 2013} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \% \text{ phụ cấp} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \\ \text{theo quy} \\ \text{định} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

c) Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có):

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức tiền của hệ số} \\ \text{chênh lệch bảo lưu} \\ \text{thực hiện từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2013} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 1.150.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh} \\ \text{lệch bảo lưu} \\ \text{hiện hưởng} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right)$$

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư này:

Căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02

tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức hoạt động} \\ \text{phí thực hiện từ} \\ \text{ngày 01 tháng 7} \\ \text{năm 2013} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 1.150.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{hoạt động phí} \\ \text{theo quy định} \end{array} \right)$$

3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư này:

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán đối với mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ được tính theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng. Việc quy định cụ thể mức phụ cấp đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP.

4. Đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư này:

a) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo cách tính quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

2. Mức lương, phụ cấp (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu có) và hoạt động phí của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được tính theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 và thay thế mức lương tối thiểu chung quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BNV-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp.

3. Các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo mức lương tối thiểu chung được tính lại theo mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng hưởng lương, phụ cấp và hoạt động phí quy định tại Điều 1 Thông tư này, căn cứ vào số đối tượng đến ngày 01 tháng 7 năm 2013 để tính mức lương, mức phụ cấp, mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) và hoạt động phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết. / *ly*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu : VT, Vụ TL (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng